

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ BÌNH MINH

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ BÌNH MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH MINH INTERNATIONAL MEDIA AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BINHMINH IMT.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107189319

**3. Ngày thành lập:** 08/12/2015

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 41, ngách 12/36 Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948000668

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                    | 2013     |
| 2.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                  | 2023     |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220     |
| 4.  | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                  | 1322     |
| 5.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                          | 1410     |
| 6.  | In ấn                                                                                                                                                                   | 1811     |
| 7.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812     |
| 8.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                               | 1820     |
| 9.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510     |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711     |
| 12. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741     |
| 13. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742     |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |

|     |                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                      | 4761        |
| 17. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4771        |
| 18. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                       | 4772        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                              | 5610        |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621        |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                          | 5629        |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                       | 5630        |
| 23. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                      | 5911        |
| 24. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                              | 5912        |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                       | 3320        |
| 26. | Xây dựng nhà các loại                                                                                         | 4100        |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                     | 4210        |
| 28. | Xây dựng công trình công ích                                                                                  | 4220        |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                    | 4290        |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                        | 4311        |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                             | 4312        |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                         | 4321        |
| 33. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                               | 4322        |
| 34. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                | 4329        |
| 35. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                | 4330        |
| 36. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                        | 4620        |
| 37. | Bán buôn thực phẩm                                                                                            | 4632        |
| 38. | Bán buôn đồ uống                                                                                              | 4633        |
| 39. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                          | 4641        |
| 40. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                            | 4649        |
| 41. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                           | 4651        |
| 42. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                            | 4652        |
| 43. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                     | 8230        |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                       | 8299        |
| 45. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                             | 6820        |
| 46. | Quảng cáo                                                                                                     | 7310(Chính) |
| 47. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                      | 7320        |

|     |                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------|
| 48. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu | 7490 |
| 49. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                     | 7730 |
| 50. | Đại lý du lịch                                                          | 7911 |
| 51. | Điều hành tua du lịch                                                   | 7912 |
| 52. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch            | 7920 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THÚY     | Số 41, ngách 12/36 phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 152.000    | 1.520.000.000         | 80        | 036177000088                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số           | 152.000    | 1.520.000.000         | 80        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ QUÝ      | Tập thể Xuân Mai, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 19.000     | 190.000.000           | 10        | 111291985                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số           | 19.000     | 190.000.000           | 10        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ MINH HUỆ | 31 ngõ 357 phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 19.000     | 190.000.000           | 10        | 013025659                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số           | 19.000     | 190.000.000           | 10        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÚY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 06/09/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036177000088

Ngày cấp: 08/04/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 41, ngách 12/36 phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 41, ngách 12/36 phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội